

Số: 98/2021/QĐST-HNGĐ

M, ngày 08 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số **81/2021/TLST- HNGĐ** ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa:

\* Nguyên đơn: Anh **Lê Xuân H**, sinh năm: 1977.

\* Bị đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm: 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà x, phố T, khu x, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Xuân Hoàn và chị Bùi Thị Hưng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về **quan hệ hôn nhân**: Anh Lê Xuân H và chị Bùi Thị H thuận tình ly hôn.

Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị H nên giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2006, ngày 22 tháng 5 năm 2006 do Ủy ban nhân dân

phường K, thị xã M (nay là thành phố M), tỉnh Quảng Ninh cấp cho các đương sự không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Anh Lê Xuân H là người được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Lê Minh H, sinh ngày 03/01/2007 và Lê Minh Tr, sinh ngày 03/10/2009 cho đến khi con chung đủ tuổi đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; Trên cơ sở lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

- **Về tài sản chung:** Không có.

- **Về khoản nợ chung:** Không có.

- **Về phí dân sự sơ thẩm:** Anh Lê Xuân H tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000622 ngày 04/5/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Anh Lê Xuân H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M;
- UBND phường K, Thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu án văn + hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Vũ Thị Thanh Phương**